|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔNSố: /2023/TT-BNNPTNT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT quy chuẩn**

**kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

 *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.*

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Thông tư này Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183: 2016/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.

**Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

Cách 1

1. Thức ăn chăn nuôi cho đối tượng gia súc, gia cầm non quy định tại QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đã công bố hợp quy hoặc đã được đánh giá sự phù hợp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành ***thì không phải thực hiện lại công bố hợp quy hoặc đánh giá lại sự phù hợp theo*** đối tượng gia súc, gia cầm non tương ứng quy định tại Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT.

Cách 2

1. Thức ăn chăn nuôi cho đối tượng gia súc, gia cầm non quy định tại QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đã công bố hợp quy hoặc đã được đánh giá sự phù hợp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành ***thì được thừa nhận kết quả cho*** đối tượng gia súc, gia cầm non tương ứng quy định tại Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT.

2. Nhãn sản phẩm thức ăn chăn nuôi cho đối tượng gia súc, gia cầm non quy định tại QCVN 01-183:2016/BNNPTNT được sử dụng cho đối tượng gia súc, gia cầm non tương ứng quy định tại Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đến hết ngày 31/12/2024.

3. Tổ chức đã được chỉ định chứng nhận hợp quy thức ăn chăn nuôi theo QCVN 01-183:2016/BNNPTNT được thực hiện chứng nhận theo Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đến khi hết hiệu lực của quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 4.** **Tổ chức thực hiện**

Cục trưởng Cục Chăn nuôi; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Công báo; website Chính phủ; website Bộ NN&PTNT;- Bộ NN & PTNT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; - Lưu: VT, KHCN, PC, CN. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG** **Phùng Đức Tiến** |